TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2019/QĐST - KDTM	*Ba Đình, ngày 26 tháng 09 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 09 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST - KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

C¨n cø điểm 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T.** Trụ sở: Tòa nhà T, Số 57 đường L, phường T, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh P– Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc C - Chức vụ: Chuyên viên chính - Phòng xử lý nợ Miền Bắc, Ngân hàng TMCP T (theo giấy ủy quyền số: 027/2017/GUQ-TPB.BĐH ngày 02/03/2017).

***** Bị đơn: **Công ty Cổ phần T**. Trụ sở: Số 38 đường P, quận B, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc K – Tổng Giám Đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Văn bản ủy quyền số 19/TBH ngày 12/05/2017).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Nguyên đơn và Bị đơn cùng xác nhận đã ký kết và không có tranh chấp nội dung và hình thức của Hợp đồng tín dụng số 42-08.13/HĐTDHM/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013 và Phụ lục số 01 ngày 14/09/2013; Phụ lục số 02 ngày 04/04/2014.

2. Công ty cổ phần T xác nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 42-08.13/HĐTDHM/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013 và Phụ lục số 01 ngày 14/09/2013; Phụ lục số 02 ngày 04/04/2014; tạm tính đến ngày 12/09/2019 là:**54.803.574.691 đồng** ***(Năm mươi tư tỉ, tám trăm linh ba triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng chẵn).***Trong đó:

- Nợ gốc: 27.989.222.377 đồng *(Hai mươi bảy tỉ, chín trăm tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng chẵn).*

- Nợ lãi quá hạn: 26.814.352.314 đồng *(Hai mươi sáu tỉ, tám trăm mười bốn triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm mười bốn đồng chẵn).*

Công ty cổ phần T tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 42-08.13/HĐTDHM/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013 và Phụ lục số 01 ngày 14/09/2013; Phụ lục số 02 ngày 04/04/2014 tính từ ngày 13/9/2019 đến thời điểm Công ty cổ phần T trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

3. Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất và thỏa thuận được việc giải quyết vụ án theo phương án trả nợ như sau:

3.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần T đồng ý giảm cho Công ty cổ phần T số tiền lãi quá hạn: 8.794.711.547 đồng *(Tám tỉ, bảy trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm mười một nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng chẵn)*, với điều kiện Công ty cổ phần T phải thực hiện đầy đủ các nội dung:

+ Chậm nhất đến ngày 31/12/2019 trả nợ gốc 27.989.222.377 đồng *(Hai mươi bảy tỉ, chín trăm tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi bảy đồng chẵn).*

+ Chậm nhất đến ngày 30/06/2020 trả nợ lãi quá hạn 17.589.423.094 đồng *(Mười bảy tỉ, năm trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, không trăm chín mươi tư đồng chẵn)* và số lãi phát sinh đến ngày thanh toán.

+ Công ty cổ phần T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trường hợp Công ty cổ phần T vi phạm thời hạn trả nợ nêu trên thì việc Ngân hàng Thương mại cổ phần T giảm lãi cho Công ty cổ phần T không còn hiệu lực và Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm thi hành án mà Công ty cổ phần T chưa thanh toán.

III. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí theo quy định là 81.401.787

đồng *(Tám mươi mốt triệu, bốn trăm linh một nghìn, bẩy trăm tám mươi bẩy đồng)*. Bị đơn - Công ty cổ phần T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí.

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 74.100.000đồng theo biên lai thu số 0008755 ngày 19 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương